

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2165/QĐ-UBND

Phú Thọ, ngày 28 tháng 8 năm 2013

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực kế hoạch và đầu tư  
được giải quyết tại Văn phòng UBND tỉnh Phú Thọ**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng UBND tỉnh,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực kế hoạch và đầu tư được giải quyết tại Văn phòng UBND tỉnh Phú Thọ.

**Điều 2.** Văn phòng UBND tỉnh có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành thường xuyên rà soát, cập nhật, trình Chủ tịch UBND tỉnh công bố sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ, hủy bỏ những thủ tục hành chính nêu tại Điều 1 Quyết định này.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký, thay thế các thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực kế hoạch và đầu tư tại Quyết định số 805/QĐ-UBND, ngày 26/3/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Thọ về việc công bố thủ tục hành chính thuộc các lĩnh vực được giải quyết tại Văn phòng UBND tỉnh.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở; Thủ trưởng các ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành, thị; Chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

#### **Nơi nhận:**

- Bộ Tư pháp;
- Cục Kiểm soát TTHC;
- TTTU, TT.HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như điều 4;
- Các PVP UBND tỉnh;
- Chuyên viên NCTH;
- Lưu: VT, KSTTHC-03b (H-35b).

**CHỦ TỊCH**

**Chu Ngọc Anh**

**Phần I****DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC LĨNH VỰC KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ ĐƯỢC GIẢI QUYẾT TẠI VĂN PHÒNG UBND TỈNH PHÚ THỌ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2165/QĐ-UBND, ngày 28 tháng 8 năm 2013 của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Thọ)*

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	TRANG
<b>I</b>	<b>LĨNH VỰC QUY HOẠCH</b>	
1	Phê duyệt đề cương nhiệm vụ, dự toán quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh; quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực, sản phẩm chủ yếu (trừ quy hoạch xây dựng và quy hoạch sử dụng đất).	
<b>II</b>	<b>LĨNH VỰC ĐẦU TƯ BẰNG NGUỒN VỐN HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN CHÍNH THỨC</b>	
2	Phê duyệt dự án hỗ trợ kỹ thuật sử dụng vốn ODA.	
3	Phê duyệt dự án đầu tư sử dụng vốn ODA.	
4	Phê duyệt chương trình, dự án ODA.	
<b>III</b>	<b>LĨNH VỰC ĐẦU TƯ TẠI VIỆT NAM</b>	
5	Chấp thuận đầu tư đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ.	
6	Chấp thuận đầu tư đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND tỉnh.	
7	Đăng ký cấp cấp Giấy chứng nhận đầu tư đối với dự án dưới 300 tỷ đồng, không thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện, không gắn với thành lập doanh nghiệp hoặc chi nhánh.	
8	Đăng ký cấp cấp Giấy chứng nhận đầu tư đối với dự án dưới 300 tỷ đồng, không thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện, gắn với thành lập chi nhánh.	
9	Đăng ký cấp cấp Giấy chứng nhận đầu tư đối với dự án dưới 300 tỷ đồng, không thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện, gắn với thành lập doanh nghiệp.	
10	Thẩm tra cấp Giấy chứng nhận đầu tư đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận đầu tư của Thủ tướng Chính phủ, không gắn với thành lập doanh nghiệp hoặc chi nhánh.	

11	Thẩm tra cấp Giấy chứng nhận đầu tư đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận đầu tư của Thủ tướng Chính phủ, gắn với thành lập chi nhánh.	
12	Thẩm tra cấp Giấy chứng nhận đầu tư đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận đầu tư của Thủ tướng Chính phủ, gắn với thành lập doanh nghiệp.	
13	Thẩm tra cấp Giấy chứng nhận đầu tư đối với dự án trên 300 tỷ đồng, không thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện, không gắn với thành lập doanh nghiệp hoặc chi nhánh.	
14	Thẩm tra cấp Giấy chứng nhận đầu tư đối với dự án trên 300 tỷ đồng, không thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện, gắn với thành lập chi nhánh	
15	Thẩm tra cấp Giấy chứng nhận đầu tư đối với dự án trên 300 tỷ đồng, không thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện, gắn với thành lập doanh nghiệp.	
16	Thẩm tra cấp Giấy chứng nhận đầu tư đối với dự án thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện, không gắn với thành lập doanh nghiệp hoặc chi nhánh.	
17	Thẩm tra cấp Giấy chứng nhận đầu tư đối với dự án thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện, gắn với thành lập chi nhánh	
18	Thẩm tra cấp Giấy chứng nhận đầu tư đối với dự án thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện, gắn với thành lập doanh nghiệp.	
19	Thẩm tra cấp Giấy chứng nhận đầu tư đối với dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng BOT, BTO, BT, không gắn với thành lập doanh nghiệp dự án.	
20	Thẩm tra cấp Giấy chứng nhận đầu tư đối với dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng BOT, BTO, BT, gắn với thành lập doanh nghiệp dự án.	
21	Đăng ký điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư đối với dự án dưới 300 tỷ đồng, không thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện, không gắn với thành lập doanh nghiệp hoặc chi nhánh.	
22	Đăng ký điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư đối với dự án dưới 300 tỷ đồng, không thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện, gắn với thành lập chi nhánh.	
23	Đăng ký điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư đối với dự án dưới 300 tỷ đồng, không thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện, gắn với thành lập doanh nghiệp.	
24	Thẩm tra điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ, không gắn với thành lập doanh nghiệp hoặc chi nhánh.	
25	Thẩm tra điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ, gắn với thành lập chi nhánh.	
26	Thẩm tra điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ, gắn với thành lập doanh nghiệp.	
27	Thẩm tra điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư, không gắn với thành lập doanh nghiệp hoặc chi nhánh đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND tỉnh.	

28	Thẩm tra điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư, gắn với thành lập chi nhánh đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND tỉnh.	
29	Thẩm tra điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư, gắn với thành lập doanh nghiệp thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND tỉnh.	
30	Thẩm tra điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư, không gắn với thành lập doanh nghiệp dự án đối với dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng BOT, BTO, BT.	
31	Thẩm tra điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư, gắn với thành lập doanh nghiệp dự án đối với dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng BOT, BTO, BT.	
32	Tạm ngừng thực hiện dự án đầu tư	
33	Giãn tiến độ thực hiện dự án đầu tư.	
34	Thanh lý và chấm dứt dự án đầu tư không gắn với việc chấm dứt hoạt động của chi nhánh, hoạt động của doanh nghiệp.	
35	Thanh lý và chấm dứt dự án đầu tư gắn với việc chấm dứt hoạt động của chi nhánh	
36	Thanh lý và chấm dứt dự án đầu tư gắn với việc chấm dứt hoạt động của doanh nghiệp	
	<b>THẨM ĐỊNH DỰ ÁN VÀ BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH</b>	
37	Phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình.	
38	Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình.	
39	Phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng công trình.	
40	Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung dự án đầu tư xây dựng công trình.	
V	<b>ĐẤU THẦU</b>	
41	Phê duyệt kế hoạch đấu thầu.	
42	Chấp thuận Phương án lựa chọn nhà thầu trong các trường hợp đặc biệt.	
43	Giải quyết kiến nghị về các vấn đề liên quan trong quá trình đấu thầu.	